

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/5/2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Sơn.

2. Bà Trịnh Thị Tuyết Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hoàng Y**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Lệ P**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

HKTT: Số X, ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Y, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng: Ông **Bùi Thanh Vũ** (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Y trình bày:

Vào năm 2018, ông Y và bà P kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện. Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã T cấp ngày 30/5/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 26/6/2018 và Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh ngày 06/9/2019, hiện sống chung với ông Y. Do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bà P bỏ chồng con đi từ cuối năm 2020 đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không duy trì được nên nay ông Y yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng Y yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị Lệ P.

- Về con chung: Ông Y hiện đang làm điện máy tại cửa hàng M ở xã T, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra ông còn được cha mẹ cho 03 công vườn, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Ông đủ điều kiện nuôi 02 con chung nên ông yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai cháu K và N đến tuổi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Bùi Thị Lệ P: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, bà P không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của bà Phương.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành nghiêm theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ông Y và bà P kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống do vợ chồng không cùng quan điểm thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bà P đã bỏ đi từ cuối năm 2020. Xét thấy về quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tinh thần tự nguyện của hai bên, vợ chồng phải yêu thương, chung thủy tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc khác bà P cũng không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Y vẫn kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân không thể kéo dài. Do đó ông Y yêu cầu ly hôn với bà P là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông Y yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 26/6/2018 và Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh ngày 06/9/2019 đến tuổi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi. Còn bà P thì không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Theo quy định tại khoản 2, 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; Nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”. Và khoản 3 quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Xét thấy cháu K thì còn nhỏ và cháu N dưới 36 tháng tuổi, các cháu đang sống với cha từ khi cha mẹ các cháu không còn sống với nhau. Do đó cần giao cháu K và cháu N cho ông Y nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà P không ai được quyền ngăn cản theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Y không yêu cầu. Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã phân tích trên.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Y vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Bùi Thị Lệ P và người làm chứng ông Bùi Thanh Vũ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 229, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Y và bà P chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn

nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông Phương và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, ông Y và bà P sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, ly thân đã lâu. Bà P cũng không đến Tòa tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải nên chưa có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Y.

[2.3] Về con chung: Ông Y và bà P có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 26/6/2018 và Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh ngày 06/9/2019, hiện đang sống với ông Y. Xét thấy, con chung của ông Y và bà P còn nhỏ, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nhưng các cháu sống với cha từ khi cha mẹ ly thân, bà P thì không thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Nay ông Y có yêu cầu nuôi con và đủ thu nhập để nuôi các cháu nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử cần ổn định môi trường sống của các cháu. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Y về việc giao 02 con chung cho ông Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà P không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Y không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228, 229, 238; Điều 271, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng Y

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng Y được ly hôn với bà Bùi Thị Lệ P.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 26/6/2018 và Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh ngày 06/9/2019 cho ông Nguyễn Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Y không có yêu cầu. Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, ông Nguyễn Hoàng Y phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003716 ngày 07/3/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa